

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 8590-4:2010

ISO 4301-4:1989

Xuất bản lần 1

**CÀN TRỤC – PHÂN LOẠI THEO CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC –
PHẦN 4: CÀN TRỤC TAY CÀN**

Cranes – Classification –

Part 4 : Jib cranes

HÀ NỘI – 2010

Lời nói đầu

TCVN 8590-4:2010 hoàn toàn tương đương với ISO 4301-4:1989.

TCVN 8590-4:2010 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 96 *Cần cầu* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Bộ TCVN 8590 (ISO 4301), *Cần trục – Phân loại theo chế độ làm việc* gồm các phần sau:

- TCVN 8590-1:2010 (ISO 4301-1:1986), Phần 1: Yêu cầu chung.
- TCVN 8590-2:2010 (ISO 4301-2:2009), Phần 2: Cần trục tự hành.
- TCVN 8590-3:2010 (ISO 4301-3:1993), Phần 3: Cần trục tháp.
- TCVN 8590-4:2010 (ISO 4301-4:1989), Phần 4: Cần trục tay cần.
- TCVN 8590-5:2010 (ISO 4301-5:1991), Phần 5: Cầu trục và cổng trục.

Cần trục – Phân loại theo chế độ làm việc – Phần 4: Cần trục tay cần

Cranes – Classification –

Part 4: Jib cranes

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định việc phân loại theo chế độ làm việc đối với cần trục tay cần, loại trừ cần trục tháp, cần trục tự hành và cần trục đường sắt, dựa trên số chu kỳ vận hành được thực hiện trong suốt thời hạn sử dụng dự kiến của thiết bị và các cơ cấu của nó, và hệ số phổ tải tương ứng với cấp tải danh nghĩa.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN 8590-1:2010 (ISO 4301-1:1986), *Cần trục – Phân loại theo chế độ làm việc – Phần 1: Yêu cầu chung.*

3 Phân loại theo chế độ làm việc

Cần trục và các cơ cấu của nó phải được phân loại theo các nhóm chế độ làm việc phù hợp TCVN 8590-1:2010 (ISO 4301-1).

Chỉ dẫn chung về các nhóm chế độ làm việc điển hình đối với cần trục tay cần liên quan đến công dụng cho ở Bảng 1.

Khi không xác định được cấp sử dụng và cấp tải thì việc phân loại theo chế độ làm việc cho trong Bảng 1 được coi là tối thiểu.

**Bảng 1 – Chỉ dẫn về nhóm chế độ làm việc của cần trục tay cần
và các cơ cấu của nó liên quan đến công dụng cần trục**

TT	Loại cần trục	Điều kiện sử dụng	Nhóm chế độ làm việc của cần trục	Nhóm chế độ làm việc của cơ cấu				
				Nâng tải	Nâng/hạ cần	Di chuyển xe con	Quay	Di chuyển cần trục
1	Cần trục dẫn động tay		A1	M1	M1	M1	M1	M1
2	Cần trục ở phân xưởng lắp ráp		A2	M2	M1	M1	M2	M2
3a)	Cần trục trên boong tàu, trang bị móc treo		A4	M3	M3	–	M3	–
3b)	Cần trục trên boong tàu, trang bị gầu ngoạm hoặc nam châm điện		A6	M5	M3	–	M3	–
4	Cần trục phục vụ đóng tàu		A4	M5	M4	M4	M4	M5
5a)	Cần trục trên kho bãi, trang bị móc		A4	M4	M3	M4	M4	M4
5b)	Cần trục trên kho bãi, trang bị gầu ngoạm hoặc nam châm điện	Sử dụng gián đoạn đều đặn ¹⁾	A6	M6	M6	M6	M6	M5
5c)	Cần trục trên kho bãi, trang bị gầu ngoạm hoặc nam châm điện	Sử dụng căng ¹⁾	A8	M8	M7	M7	M7	M6
6a)	Cần trục căng, trang bị móc	Sử dụng gián đoạn, đều đặn ¹⁾	A6	M5	M4	–	M5	M3
6b)	Cần trục căng, trang bị móc	Sử dụng căng ¹⁾	A7	M7	M5	–	M6	M4
6c)	Cần trục căng, trang bị gầu ngoạm hoặc nam châm điện	Sử dụng gián đoạn, đều đặn ¹⁾	A7	M7	M6	–	M6	M4
6d)	Cần trục căng, trang bị gầu ngoạm hoặc nam châm điện	Sử dụng căng ¹⁾	A8	M8	M7	–	M7	M4

¹⁾ Tham khảo các định nghĩa "sử dụng gián đoạn, đều đặn" và "sử dụng căng" trong TCVN 8590-1:2010 (ISO 4301-1).